

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 470/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 923/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp S, xã K, huyện B, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp 2, xã X, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N

Trụ sở: Số 2, đường H, phường C, quận Đ, Thành Phố H.

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Tiết Văn T. Chức vụ : Tổng Giám đốc.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông Phan Anh C. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện T, tỉnh C (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Thị T chung sống với nhau năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi. Ông và bà T đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Trần Tuyết N, sinh năm: 1994; Trần Tuyết K, sinh năm: 1996 và Trần Chí L, sinh năm: 2001. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định ông bà không có nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như ông L đã trình bày. Nay ông L yêu cầu ly hôn với bà, bà đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung đúng như ông L đã trình bày. Đối với Trần Tuyết N và Trần Chí L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Trần Tuyết K, mặc dù đã trưởng thành nhưng do K bị khuyết tật về mắt, cụ thể là mắt bị mờ, không nhìn rõ nên bà yêu cầu ông L cấp dưỡng cho Trần Tuyết K mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi chết.

Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng có tài sản chung là 10 công đất tọa lạc tại ấp S, xã K, huyện B, tỉnh C. Nguồn gốc đất này là do mẹ chồng là bà Phạm Thị M tặng cho, khi tặng cho chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Bà yêu cầu chia đôi phần đất trên.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung.

Đại diện Ngân hàng N trình bày: Bà Phạm Thị M là mẹ ruột của ông Trần Văn L có ủy quyền cho ông Trần Văn L ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 100.000.000 đồng. Do hợp đồng này chưa đến hạn nên Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên Tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn L và bà Trương Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, hôn nhân của ông, bà không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông L và bà T thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung tên Trần Tuyết N, sinh năm 1994; Trần Tuyết K, sinh năm: 1996 và Trần

Chí L, sinh năm: 2001. Ông L cho rằng do các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong khi bà T cho rằng đối với Trần Tuyết K mặc dù đã trên 18 tuổi nhưng do bị khuyết tật, cụ thể là mắt bị mờ, không nhìn rõ nên yêu cầu ông L cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến chết. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bà T xác định mắt của Trần Tuyết K chỉ bị mờ, không nhìn rõ và hiện tại K vẫn đang đi làm thuê cho người khác, không bị mất khả năng lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự. Do hiện tại Trần Tuyết K đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị mất khả năng lao động nên việc bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi chết là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông L xác định vợ chồng không có tài sản chung trong khi bà T xác định vợ chồng có tài sản chung là phần đất có diện tích 10 công và yêu cầu chia đôi phần đất trên. Tòa án đã ấn định thời hạn cho bà T để nộp đơn yêu cầu phân chia đối với tài sản trên và dự nộp án phí theo quy định của pháp luật nhưng bà T không nộp đơn yêu cầu, không dự nộp án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không có ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn L và bà Trương Thị T là vợ chồng.
2. Về con chung: Ông Trần Văn L và bà Trương Thị T có 03 con chung tên Trần Tuyết N, sinh năm 1994; Trần Tuyết K, sinh năm: 1996 và Trần Chí L, sinh năm: 2001. Hiện các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Ông Trần Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng

theo biên lai thu số 0011141 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thanh Quốc